

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 61/2024/DS-ST.

Ngày: 26/9/2024.

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 và ngày 26 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ L số: 265/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024; Quyết định ngừng phiên tòa số: 06/QĐTS-TA ngày 19/8/2024; giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Thảng C, xã Nham B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn Ngh, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo hợp đồng ủy quyền số 000693 ngày 24/01/2024 - có mặt)

+ *Bị đơn:* Bà Trần Thị X. Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đậu Xuân H. Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 07/8/2023 của bà Phạm Thị L, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh Hải trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên bà Phan Thị L có cho bà Trần Thị X vay số tiền tổng cộng 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) vào các lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 09/12/2016 bà L cho bà X vay số tiền 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng), hạn ngày 23/12/2016 thì trả đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Lần 2: Vào ngày 28/3/2017 bà L cho bà X vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), hạn ngày 01/4/2017 thì trả đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Khi vay số tiền trên bà X có viết giấy vay tiền và giấy nhận tiền cho bà L giữ. Do chỗ quen biết nên khi cho bà X vay số tiền trên bà L không yêu cầu bà X thế chấp tài sản gì cả. Mặt khác trên giấy vay tiền và giấy nhận tiền mặc dù viết cả tên của bà Trần Thị X và ông Đậu Xuân H, trên thực số tiền trên bà X vay cá nhân, không liên quan đến ông H. Toàn bộ chữ Trần Thị X, Đậu Xuân H đều do bà X ký và viết ra.

Sau khi vay số tiền trên, khi đến hạn trả nợ bà L đã nhiều lần yêu cầu bà X thanh toán khoản vay nói trên cho bà L song không có kết quả. Do vậy, bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Nguyên vọng của bà L là yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc là 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra bà L không yêu cầu gì khác.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị X cố tình vắng mặt, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Thanh H đã làm đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị X.

Ngày 09/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ban hành quyết định trưng cầu giám định số: 10/2024/QĐ-TCGD, Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định:

Chữ ký và chữ viết “Trần Thị X” trong Giấy nhận tiền ngày 09/12/2016 tại mục Người nhận tiền; chữ ký và chữ viết “Trần Thị X” trong Giấy nhận tiền ngày 28/3/2017 tại mục Người nhận tiền và chữ ký chữ viết “Trần Thị X” trong Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/7/2017 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 1592 có phải do bà X ký và viết ra không

Tại bản Kết luận giám định số: 604/KL -KTHS, ngày 15/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị X dưới mục “Người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Trần Thị X trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, là do cùng một người ký ra.

Ngày 20/8/2024 ông Phan Thanh H có đơn yêu cầu giám định bổ sung đối

với chữ ký chữ viết của bà Trần Thị X, trong giấy mượn tiền lập ngày 09/12/2016 tại mục Người mượn tiền; chữ ký và chữ viết “Trần Thị X” trong Giấy mượn tiền ngày 28/3/2017 tại mục người mượn tiền và chữ ký chữ viết “Trần Thị X” trong Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/7/2017 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 1592 có phải do bà X ký và viết ra không.

Tại bản Kết luận giám định số: 1409/KL -KTHS, ngày 09/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

1./ Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị X dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Trần Thị X trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, là do cùng một người ký ra.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị X phải trả cho bà L số tiền nợ gốc số tiền 476.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Xuân H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, và Điều 73 BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Xuân H vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà X, ông Hòa.

+ Về nội dung:

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiện đòi tài*”

sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại thời điểm bà Phạm Thị L khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị X có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Trần Thị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đậu Xuân H vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị X, ông Đậu Xuân H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị X, ông Đậu Xuân H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị X, ông Đậu Xuân H.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị X trả cho bà L số tiền tổng cộng là 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Khi nộp đơn khởi kiện nguyên đơn bà L đã cung cấp cho Tòa án 02 chứng từ thể hiện việc bà Trần Thị X đã nhận của bà L tổng số tiền 476.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 09/12/2016 bà X nhận của bà L số tiền 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

- Ngày 28/3/2017 bà X nhận tiếp của bà L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngày 19/8/2024 ông Phan Thanh H cung cấp cho Tòa án 02 chứng từ thể hiện việc bà Trần Thị X đã mượn của bà L tổng số tiền 476.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 09/12/2016 bà X mượn của bà L số tiền 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Hạn trả nợ là ngày 23/12/2016.

- Ngày 28/3/2017 bà X mượn tiếp của bà L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng, hạn trả nợ là ngày 01/4/2017.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị X không đến Tòa án làm việc. Do vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của và Trần Thị X trong giấy nhận tiền đề ngày 28/3/2017 và Giấy nhận tiền ngày 09/12/2016 mà nguyên đơn dùng để khởi kiện bị đơn tại Tòa án. Tại bản Kết luận giám định số: 604/KL - KTTHS, ngày 15/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị X dưới mục “Người nhận tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đúng tên Trần Thị X trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, là do cùng một người ký ra.

Ngày 26/8/2024, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của và Trần Thị X trong giấy mượn tiền đề ngày 28/3/2017 và Giấy mượn tiền ngày 09/12/2016

mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp bổ sung cho Tòa án. Tại bản Kết luận giám định số: 1409/KL -KTHS, ngày 09/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên “Trần Thị X” dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Trần Thị X trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1, là do cùng một người ký ra.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L, bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị L là ông Phan Thanh H, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk số 604/KL -KTHS, ngày 15/5/2024 và số 1409/KL - KTHS, ngày 09/9/2024. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Ngày 28/3/2017 bà X vay bà L số tiền 300.000.000đồng mục đích là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 01 tháng 4 năm 2017; Ngày 09/12/2016 bà X vay bà L cho số tiền 176.000.000đồng hạn trả nợ chậm nhất là ngày 23 tháng 12 năm 2016. Tổng cộng bà X vay của bà L số tiền 476.000.000 (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Sau khi viết giấy vay tiền nói trên, khi nhận tiền bà X lại viết giấy nhận tiền cho bà L giữ. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán số tiền nói trên bà X không thanh toán cho bà L các khoản tiền như thỏa thuận là vi phạm cam kết trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 429 BLDS 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Trong khi đó chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 09/12/2016 bà L cho bà X vay số tiền 176.000.000đồng, hạn trả nợ chậm nhất là ngày 23 tháng 12 năm 2016; Ngày 28/3/2017 bà X vay bà L số tiền 300.000.000đồng, hạn trả nợ chậm nhất là ngày 01 tháng 4 năm 2017. Tính đến ngày bà Phạm Thị L nộp đơn khởi kiện (ngày 20/10/2023) để yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả số tiền 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) thời hiệu khởi kiện đã hết. Tuy nhiên, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ*”

Do vậy, áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX buộc bà Trần Thị X phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 476.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) là phù hợp.

[2.2]. Về trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L chỉ yêu cầu bà Trần Thị X trả cho bà L số tiền 476.000.000đồng. HĐXX xét thấy, mặc dù trong giấy nhận tiền và giấy mượn tiền đề ngày 09/12/2016 và ngày 28/3/2017 thể hiện người vay là bà Trần Thị X, ông Đậu Xuân H. Tuy nhiên, trong giấy nhận tiền nói trên chữ ký chữ viết Đậu Xuân H là do bà Trần Thị X tự viết ra. Bản thân bà L chỉ yêu cầu bà X trả số tiền nói trên. Do vậy, cần buộc bà Trần Thị X trả cho bà L số tiền 467.000.000đồng là phù hợp.

[3]. Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Trần Thị X không đến Tòa án để làm việc, nên theo đơn yêu cầu của người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà X trong giấy nhận tiền. Tại bản Kết luận giám định số: 604/KL-KTHS, ngày 15/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận tiền ngày 28/3/2017 và ngày 09/12/2016 là do bà Trần Thị X ký và viết ra cho nên áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà X phải chịu chi phí giám định chữ ký là 6.200.000 đồng, số tiền này đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Phạm Thị L đã nộp, nên buộc chị bà X phải thanh toán lại cho bà L là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Ngày 20/8/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn yêu cầu giám định bổ sung theo đó đại diện nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của bà Trần Thị X trong giấy mượn tiền. Tại bản Kết luận giám định số: số 1409/KL - KTHS, ngày 09/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký và chữ viết Trần Thị X trong giấy mượn tiền ngày 28/3/2017 và ngày 09/12/2016 là do bà X ký và viết ra. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn tự nguyện nộp số tiền chi phí giám định là 5.860.000đồng. Xét việc nguyên đơn tự nguyện nộp số tiền trên là không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Số tiền trên đại diện nguyên đơn đã nộp, Tòa án đã chi xong nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí:

Do HĐXX buộc bà Trần Thị X phải trả cho bà L số tiền vay là 476.000.000đồng. Nên bà Trần Thị X phải chịu 23.040.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Mức tính như sau: $\{400.000.000đ = 20.000.000 \text{ đồng} + (76.000.000đ \times 4\%)\} = 23.040.000đ$ (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Bà Phạm Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

[5]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 203; Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

Buộc bà Trần Thị X phải trả cho bà Phạm Thị L tiền nợ gốc là 476.000.000đ

(Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Trần Thị X phải chịu 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Bà Phạm Thị L được nhận lại số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ bà Trần Thị X.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị X phải chịu 23.040.000đ (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị L được miễn nộp tiền án phí nên không đề cập giải quyết.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.”

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

